



Công ty Cổ phần Đầu tư F88

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Đầu tư F88
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số

2600948135

ngày 12 tháng 11 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 16 tháng 12 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Phùng Anh Tuấn	Chủ tịch
	Ông Ngô Quang Hưng	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Tuyên	Thành viên (đến ngày 16 tháng 5 năm 2024)
	Bà Đỗ Thị Khánh Vân	Thành viên (đến ngày 20 tháng 2 năm 2025)
	Ông Simon Wagner	Thành viên
	Ông Christopher E. Freund	Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024) (tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 2 năm 2025)
	Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Quốc Trung	Thành viên độc lập
	Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Đại
		Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 10 năm 2024)
	Ông Phùng Anh Tuấn	Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 10 năm 2024)
	Ủy ban Kiểm toán	Ông Nguyễn Quốc Trung
		Trưởng ban
	Bà Đỗ Thị Khánh Vân	Thành viên (đến ngày 20 tháng 2 năm 2025)
Trụ sở đăng ký	Ông Simon Wagner	Thành viên
	Ông Ngô Quang Hưng	Thành viên (từ ngày 19 tháng 9 năm 2024)
	Số 1980, Đường Hùng Vương, Phường Nông Trang Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Đầu tư F88
Báo cáo của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư F88 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 25 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Nguyễn Đức Đại
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 17 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư F88**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu tư F88 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 25.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư F88 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00248-25-1



Đoàn Thanh Toán

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3073-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3065-2024-007-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 150)	100		129.730.455.318	24.090.754.791
Tiền và các khoản tương đương tiền Tiền	110 111	4	487.672.173 487.672.173	1.470.904.881 1.470.904.881
Các khoản phải thu ngắn hạn Phải thu ngắn hạn của khách hàng Trả trước cho người bán ngắn hạn Phải thu về cho vay ngắn hạn Phải thu ngắn hạn khác	130 131 132 135 136	 5 6 7	128.969.966.106 72.000.000 300.000.000 112.039.284.932 16.558.681.174	22.342.171.507 4.428.000.000 659.640.000 6.200.000.000 11.054.531.507
Tài sản ngắn hạn khác Thuế GTGT được khấu trừ Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	150 152 153		272.817.039 - 272.817.039	277.678.403 4.861.364 272.817.039
Tài sản dài hạn (200 = 250 + 260)	200		1.681.962.472.506	1.674.427.920.660
Đầu tư tài chính dài hạn Đầu tư vào công ty con Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	250 251 254	8	1.681.017.650.000 1.691.016.650.000 (9.999.000.000)	1.673.018.450.000 1.683.017.450.000 (9.999.000.000)
Tài sản dài hạn khác Chi phí trả trước dài hạn Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	260 261 262	 19(c)	944.822.506 2.957.776 941.864.730	1.409.470.660 4.539.292 1.404.931.368
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.811.692.927.824	1.698.518.675.451

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đầu tư F88

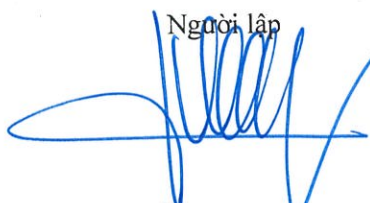
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		112.927.465.758	1.601.598.269
Nợ ngắn hạn	310		112.927.465.758	1.601.598.269
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	198.934.400	96.926.963
Phải trả người lao động	314		6.763.000	6.763.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10	6.876.859.341	1.497.908.306
Phải trả ngắn hạn khác	319		5.624.085	-
Vay ngắn hạn	320	11	105.839.284.932	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.698.765.462.066	1.696.917.077.182
Vốn chủ sở hữu	410	12	1.698.765.462.066	1.696.917.077.182
Vốn cổ phần	411	13	82.646.120.000	82.646.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.646.120.000	82.646.120.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.640.652.992.732	1.640.652.992.732
Lỗi lũy kế	421		(24.533.650.666)	(26.382.035.550)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(26.382.035.550)	(18.164.113.751)
- LNST chưa phân phối/(lỗ) năm nay	421b		1.848.384.884	(8.217.921.799)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.811.692.927.824	1.698.518.675.451
(440 = 300 + 400)				

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Người lập

Nguyễn Hoàng Lương
Kế toán trưởng

Người duyệt

Nguyễn Đức Đại
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đầu tư F88

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	15	3.600.000.000	3.600.000.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11		81.600.000	72.000.000
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		3.518.400.000	3.528.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	6.046.036.962	2.045.234.439
Chi phí tài chính	22	17	5.422.451.035	9.999.000.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.422.451.035	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	1.826.652.736	3.397.351.478
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		2.315.333.191	(7.823.117.039)
Thu nhập khác	31		-	3.198
Chi phí khác	32		3.881.669	420.327.426
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(3.881.669)	(420.324.228)
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.311.451.522	(8.243.441.267)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	-	1.017.953.962
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	19	463.066.638	(1.043.473.430)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.848.384.884	(8.217.921.799)

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Người lập

Nguyễn Hoàng Lương
Kế toán trưởng

Người duyệt

Nguyễn Đức Đại
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		2.311.451.522	(8.243.441.267)
Điều chỉnh cho các khoản				
Các khoản dự phòng	03		-	9.999.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.046.036.962)	(2.045.234.439)
Chi phí lãi vay	06		5.422.451.035	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.687.865.595	(289.675.706)
Biến động các khoản phải thu	09		5.260.501.364	(552.901.364)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		64.131.522	(1.019.820.735)
Biến động chi phí trả trước	12		1.581.516	(4.539.292)
			7.014.079.997	(1.866.937.097)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(248.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.014.079.997	(2.114.937.097)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(105.839.284.932)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(7.999.200.000)	(1.106.089.380.000)
Tiền thu lãi cho vay và tiền gửi	27		1.887.295	1.425.234.440
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(113.836.597.637)	(1.104.664.145.560)

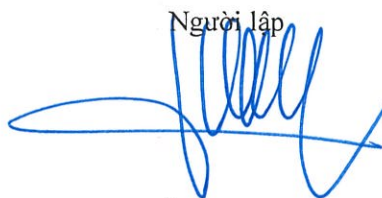
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	1.107.907.882.856
Tiền thu từ đi vay	33		105.839.284.932	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		105.839.284.932	1.107.907.882.856
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(983.232.708)	1.128.800.199
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.470.904.881	342.104.682
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	487.672.173	1.470.904.881

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Người lập

Nguyễn Hoàng Lương
Kế toán trưởng

Người duyệt

Nguyễn Đức Đại
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư F88 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là tư vấn và quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 4 công ty con (1/1/2024: 3 công ty con) như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	% sở hữu và % quyền biểu quyết	
			31/12/2024	1/1/2024
Công ty Cổ phần Kinh doanh F88 (“Công ty F88 Kinh doanh”)	Phòng 206, Tầng M, Tòa nhà N01A, Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ, quản lý tài sản đảm bảo, đại lý bảo hiểm và các hoạt động kinh doanh khác.	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Ffintech (“Công ty Ffintech”)	Phòng 206, Tầng M, Tòa nhà N01A, Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác	99,99%	99,99%
Công ty TNHH Thương mại F88 (“Công ty Thương mại F88”) (*)	Phòng 206, Tầng M, Tòa nhà N01A, Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh, buôn bán sim thẻ điện thoại	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Công nghệ Ngôi Nhà Xanh (“Công ty Ngôi Nhà Xanh”)	Phòng 206, Tầng M, Tòa nhà N01A, Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm	99,99%	-

(*) Công ty sở hữu gián tiếp thông qua công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 8 nhân viên (1/1/2024: 10 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được lần lượt quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Đầu tư F88

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm.

(f) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(g) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(h) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(i) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(j) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(k) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(l) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(m) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

(n) Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm, Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng	487.672.173	1.470.904.881

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	72.000.000	4.428.000.000

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là các khoản phải thu Công ty Cổ phần Kinh doanh F88, một công ty con, theo hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty Cổ phần Ffintech, một công ty con	112.039.284.932	6.200.000.000

Các khoản cho vay này hưởng lãi suất 10%/năm, được bảo đảm bằng cổ phiếu được phát hành bởi Công ty và thuộc sở hữu của một số cá nhân, không chịu lãi quá hạn và được hoàn trả khi khoản vay đáo hạn. Thời điểm đáo hạn của các khoản vay này như sau:

- Khoản vay 105.839.284.932 VND đáo hạn vào ngày 28 tháng 6 năm 2025 theo Hợp đồng vay số 2806/HĐVV/F88ĐT-FF ngày 28 tháng 6 năm 2024.
- Khoản vay 6.200.000.000 VND đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Phụ lục Hợp đồng vay số 01/311224/F88ĐT-FF ngày 31 tháng 12 năm 2024.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi dự thu từ cho vay đối với Công ty Cổ phần Ffintech, một công ty con (*)	16.558.681.174	10.514.531.507
Các khoản phải thu khác	-	540.000.000
	16.558.681.174	11.054.531.507

(*) Khoản lãi dự thu này không chịu lãi quá hạn, và được trả khi khoản vay đáo hạn.

Công ty Cổ phần Đầu tư F88

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty con

	31/12/2024			1/1/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Công ty con trực tiếp</i>						
• Công ty F88 Kinh doanh	1.673.018.450.000	-	(*)	1.673.018.450.000	-	(*)
• Công ty Ffintech	9.999.000.000	(9.999.000.000)	(*)	9.999.000.000	(9.999.000.000)	(*)
• Công ty Ngôi Nhà Xanh (i)	7.999.200.000	-	(*)	-	-	(*)
	1.691.016.650.000	(9.999.000.000)		1.683.017.450.000	(9.999.000.000)	

(i) Theo Nghị quyết số 1706-01/2024/NQ/HĐQT/F88DT ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc thành lập pháp nhân mới hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc thành lập Công ty Cổ phần Công nghệ Ngôi Nhà Xanh với vốn điều lệ là 8.000.000.000 VND. Công ty Ngôi Nhà Xanh được thành lập và đi vào hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0110842859 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 23 tháng 9 năm 2024.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế thu nhập cá nhân	95.692.563	68.958.924	(37.717.087)	126.934.400
Thuế giá trị gia tăng	100	180.427.376	(108.427.476)	72.000.000
Các loại thuế khác	1.234.300	26.536.395	(27.770.695)	-
	96.926.963	275.922.695	(173.915.258)	198.934.400

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	711.500.000	755.000.005
Chi phí lãi vay phải trả bên liên quan	6.165.359.341	742.908.301
	6.876.859.341	1.497.908.306

Công ty Cổ phần Đầu tư F88

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Vay ngắn hạn

Giá trị ghi sổ VND	1/1/2024 Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2024 Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	-	105.839.284.932	-	105.839.284.932

Đây là khoản vay từ Công ty F88 Kinh doanh, một công ty con, chịu lãi suất 10%/năm, thời hạn vay gốc là 12 tháng, không được đảm bảo, không chịu lãi quá hạn và phải trả khi khoản vay đáo hạn vào ngày 28 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Đầu tư F88

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023				
Cổ phiếu phát hành	69.884.620.000	545.506.609.876	(17.916.113.751)	597.475.116.125
Lỗ thuần trong năm	12.761.500.000	1.095.146.382.856	-	1.107.907.882.856
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(8.217.921.799)	(8.217.921.799)
	-	-	(248.000.000)	(248.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	82.646.120.000	1.640.652.992.732	(26.382.035.550)	1.696.917.077.182
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.848.384.884	1.848.384.884
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	82.646.120.000	1.640.652.992.732	(24.533.650.666)	1.698.765.462.066

Công ty Cổ phần Đầu tư F88
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	8.264.612	82.646.120.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	8.264.612	82.646.120.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

	31/12/2024			1/1/2024		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Skydom Pte. Ltd	2.588.168	25.881.680.000	31,32%	2.588.168	25.881.680.000	31,32%
Ông Phùng Anh Tuấn	1.253.558	12.535.580.000	15,17%	1.253.558	12.535.580.000	15,17%
Ông Ngô Quang Hưng	1.125.812	11.258.120.000	13,62%	1.125.812	11.258.120.000	13,62%
Bronze Blade Limited	812.793	8.127.930.000	9,83%	812.793	8.127.930.000	9,83%
Asia Investment Company S.A.R.L	699.056	6.990.560.000	8,46%	699.056	6.990.560.000	8,46%
Winter Flame Pte.Ltd	466.038	4.660.380.000	5,64%	466.038	4.660.380.000	5,64%
Ông Trần Mạnh Công	198.186	1.981.860.000	2,40%	198.586	1.985.860.000	2,40%
Ông Nguyễn Văn Tuyên	159.828	1.598.280.000	1,93%	159.828	1.598.280.000	1,93%
Ông James Alan Barron	183.216	1.832.160.000	2,22%	183.216	1.832.160.000	2,22%
Các cá nhân khác	777.957	7.779.570.000	9,41%	777.557	7.775.570.000	9,41%
	8.264.612	82.646.120.000	100%	8.264.612	82.646.120.000	100%

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2024		2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	8.264.612	82.646.120.000	6.988.462	69.884.620.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	1.276.150	12.761.500.000
Số dư cuối năm	8.264.612	82.646.120.000	8.264.612	82.646.120.000

14. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán***Cam kết bảo lãnh cho khoản vay của Công ty F88 Kinh doanh***

Công ty đã nhận bảo lãnh thanh toán cho khoản vay có tài sản bảo đảm của Công ty F88 Kinh doanh đối với Lendable SPC. Số dư gốc khoản vay được bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 15,4 triệu USD, tương đương 380 tỷ VND (1/1/2024: 15 triệu USD, tương đương 351 tỷ VND).

15. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2024	2023
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	3.600.000.000	3.600.000.000

16. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024	2023
	VND	VND
Thu nhập lãi cho vay	6.044.149.667	619.999.999
Thu nhập lãi tiền gửi	1.887.295	1.425.234.440
	6.046.036.962	2.045.234.439

17. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	5.422.451.035	-
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	9.999.000.000
	<u>5.422.451.035</u>	<u>9.999.000.000</u>

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương và thưởng	451.002.563	787.164.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.375.650.173	2.610.187.349
	<u>1.826.652.736</u>	<u>3.397.351.478</u>

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.017.953.962
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	361.457.938
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	-	(1.404.931.368)
Lỗ tính thuế được sử dụng	463.066.638	-
	<u>463.066.638</u>	<u>(1.043.473.430)</u>
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập	<u>463.066.638</u>	<u>(25.519.468)</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	2.311.451.522	(8.243.441.267)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	462.290.304	(1.648.688.253)
Chi phí không được khấu trừ thuế	776.334	243.756.885
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	361.457.938
Điều chỉnh theo kết quả biên bản thanh tra thuế	-	1.017.953.962
	463.066.638	(25.519.468)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	31/12/2024		1/1/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Lỗ tính thuế	4.709.323.645	941.864.730	7.024.656.840	1.404.931.368

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Đầu tư F88**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan**

Trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty F88 Kinh doanh		
Nhận tiền vay	105.839.284.932	-
Chi phí lãi vay	5.422.451.035	-
Phí dịch vụ tư vấn quản lý đã thu	8.244.000.000	4.400.000.000
Doanh thu phí dịch vụ tư vấn	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Ffintech		
Cho vay	105.839.284.932	-
Thu nhập lãi cho vay	6.044.149.667	619.999.999

Số dư với bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số dư với các bên liên quan	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty F88 Kinh doanh		
Phí dịch vụ tư vấn quản lý phải trả	72.000.000	4.428.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	6.165.359.341	742.908.301
Vay ngắn hạn	105.839.284.932	-
Công ty Ffintech		
Lãi dự thu từ cho vay	16.558.681.174	10.514.531.507
Phải thu về cho vay	112.039.284.932	6.200.000.000

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt:

	2024 VND	2023 VND
Tổng Giám đốc	81.600.000	72.000.000
Thành viên độc lập HĐQT	-	798.457.000
	81.600.000	870.457.000

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán không nhận bất kỳ khoản thù lao, lương thưởng nào trong năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư F88

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

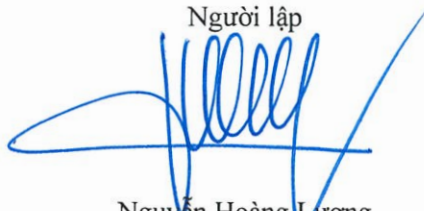
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

Người lập



Nguyễn Hoàng Lương
Kế toán trưởng

Người duyệt



Nguyễn Đức Đại
Tổng Giám đốc